

Số: 152/2021/QĐST-  
HNGĐ

*Đại Từ, ngày 01 tháng 12 năm 2021*

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 213/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị B, sinh năm 1990

Trú tại: Xóm G, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980

Trú tại: Xóm G, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên, Phòng giao dịch huyện Đ huyện Đại Từ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2021.

### **XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ma Thị B và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị B và anh Nguyễn Văn T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Thị Nhã Q, sinh ngày 02/10/2007; Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 09/11/2012 cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên quyền đi lại thăm nom con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và các khoản cho vay: không có

Nợ chung: nợ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên, Phòng giao dịch huyện Đ 50.000.000đ theo sổ vay vốn cho hộ nghèo ngày 12/10/2018; Anh T trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tương đương, chị B trả 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tương đương.

- Về án phí: Chị B tự nguyện nộp 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, anh T nhất trí; hoàn trả chị B 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Chuyển từ tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ - - Biên lai thu tiền số 0003779 ngày 26/10/2021.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã ;
- Lưu hồ sơ.

**Thẩm phán**

**Nguyễn Hồng Mây**